

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ – THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** ông Hoàng Kim Tuấn.

+ **Các Hội thẩm nhân dân:**

1- Ông Bùi Tiến Chung - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu.

Địa chỉ: Xóm Cỏ Rồng, TT Đình Cả, huyện Võ Nhai.

2- Bà Dương Thị Hạnh- Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Đảng ủy xã Trảng Xá, huyện Võ Nhai.

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Dương Minh Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai – Thái Nguyên tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 08 năm 2017, hồi 08 giờ 00 phút tại Nhà văn hóa xóm P, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2017/HSST ngày 03 tháng 07 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **A** - Sinh năm 1992.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm K, LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: 05/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Bố TTP – Sinh năm 1969 và mẹ TTT – sinh năm 1969.

Anh chị em ruột: Có 03 người; Bị cáo là con thứ hai.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Ngày 17/04/2017 bị Công an xã Đ, T.P T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” nay chưa thi hành.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/04/2017 cho đến nay.

(Có mặt).

***Người bị hại:**

Bà TTL – Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm E, F, V, Thái Nguyên. (*Vắng mặt - Có đề nghị xét xử vắng mặt*).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh HVD – Sinh năm 1994.

Địa chỉ: ĐK, KM, ĐY, Thái Nguyên. (*Vắng mặt - Có đề nghị xét xử vắng mặt*).

***Người làm chứng:**

1- Ông NVB – Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm E, F, V, Thái Nguyên. (*Có mặt*).

2- Anh TVT – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm P, L, V, Thái Nguyên. (*Vắng mặt*).

3- Anh Q – Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm E, F, V, Thái Nguyên. (*Vắng mặt*).

4- Ông Tha – Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm E, F, V, Thái Nguyên.

(*Vắng mặt – có lý do*).

NHẬN THẤY

Bị cáo A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 19/04/2017, A – Sinh năm 1992; Trú quán: K, LM, V, Thái Nguyên đi bộ một mình vào cửa hàng tạp hóa nhà chị TTL – Sinh năm 1980; Trú tại: E, F, V, Thái Nguyên để mua uống nước. Vào trong cửa hàng A mua một chai nước ngọt để uống, sau đó đi vào phía trong quán để mua sữa, khi đi qua tủ gỗ đựng hàng hóa, A nhìn thấy một điện thoại di động nhãn hiệu HTC 626 màu trắng, A nảy sinh ý định lấy trộm, A đi đến cầm chiếc điện thoại đút vào túi quần của mình rồi đi ra vị trí chị TTL đứng để thanh toán cho chị TTL những thứ A đã mua. Sau khi lấy trộm được điện thoại, A mang điện thoại vào nhà anh NVB - Sinh năm 1975; Trú quán: E, F, V, Thái Nguyên. Trên đường đến nhà NVB, A đã tháo chiếc vỏ ốp điện thoại rồi ném vào ruộng ngô ở phía sau Trường THCS F và tháo sim điện thoại cho vào túi quần. Khi đến nhà NVB, A gặp NVB và nói “Em vừa đi làm về, có cái điện thoại, anh có xe không chở em đi bán”, tin A nói nên NVB đồng ý ngồi sau xe đạp do A chở đến cửa hàng TĐ thuộc xóm P, L, V, Thái Nguyên bán cho anh HVD – Sinh năm 1991; Trú quán: ĐK, KM, ĐY, Thái Nguyên với giá 500.000 đồng, khi giao dịch A không nói cho HVD biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi bán xong, A và NVB cùng nhau đi xuống nhà TVT – Sinh năm 1990; Trú tại: Xóm P, L, V, Thái Nguyên, A đã nhờ TVT mua hộ ma túy về cùng NVB sử dụng. Sau khi phát hiện mất

điện thoại, chị TTL đã trình báo Công an xã F đề nghị giải quyết. Qua truy xét Công an xã F làm rõ A là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị TTL và tạm giữ 240.000 đồng là tiền do A bán điện thoại mà có. Ngày 20/04/2017 Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng là 01 chiếc điện thoại, ốp điện thoại và thẻ sim do A trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL – HĐĐG ngày 21/04/2017 của Hội đồng định giá huyện V đã kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC 626 vỏ bằng nhựa màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI 355492071519904; 355492071570402 có trị giá 2.150.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản của chị TTL cho chủ sở hữu quản lý sử dụng.

Cáo trạng số 18/KSĐT ngày 03/07/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Kết thúc thẩm vấn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản”.

Sau khi đánh giá chứng cứ đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, đó là các tình tiết người phạm tội phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS tịch thu 240.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

*Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết vì bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu giải quyết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất để được sớm về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản. Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ, ngày 19/04/2017 tại xóm E, xã F, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, A đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HTC 626 của chị TTL trị giá là 2.150.000 đồng đem bán lấy tiền tiêu sài.

Hành vi của bị cáo như đã nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai truy tố bị cáo A theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án thấy: Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 2.150.000 đồng, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được nhà nước bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương.

Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 05, rồi ở nhà phụ giúp gia đình làm nông nghiệp, ngày 17/04/2017 bị Công an xã Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 19/04/2017 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 21/04/2017 bị bắt tạm giam. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án cũng như các yếu tố về nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 46 BLHS, nhưng bị cáo có 01 tiền sự, đồng thời bị cáo đang bị tạm giam. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo một thời gian đảm bảo để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết vì bị hại đã nhận lại tài sản, đồng thời người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết.

*Về vật chứng: Tịch thu số tiền 240.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ của bị cáo do phạm tội mà có.

Truy thu số tiền 260.000 đồng của bị cáo do phạm tội mà có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của VKSND huyện Võ Nhai tại phiên toà hôm nay về hình phạt cũng như các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại, cùng ốp, thẻ Sim và giấy biên nhận thanh toán kèm phiếu giao hàng cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là chị TTL quản lý, sử dụng.

Đối với NVB là người đi cùng A bán điện thoại và HVĐ là người mua điện thoại của A nhưng NVB và HVĐ không biết chiếc điện thoại là tài sản do A trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với NVB và HVĐ.

Đối với TVT là người mua ma túy giúp A, TVT mua của người TVT không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ, nên không có cơ sở để xác minh làm rõ và không đủ căn cứ xử lý đối với TVT.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A **12 (Mười hai)** tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/04/2017.

Căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo A trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS. Tịch thu số tiền 240.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ của bị cáo do phạm tội mà có.

Truy thu số tiền 260.000 đồng của bị cáo do phạm tội mà có.

*Về tình trạng vật chứng: Số vật chứng nêu trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo Giấy ủy nhiệm chi số 75 ngày 20/07/2017 giữa Công an huyện Võ Nhai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

4. Về án phí: Áp dụng điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo A phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an;
- Bị cáo;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Kim Tuấn